

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29/8/2017
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Việt Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Khuru Bình Trí;**

Bà **Dương Thị Thúy Duy.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Văn Kha** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Nguyễn Thiết Bảnh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn A, Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án thụ lý số: 174/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Bé N**, sinh năm: 1982.

Cư trú: Tổ X, khóm V, phường C, TP C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Trần Văn Trọng Đ**, sinh năm: 1975.

Cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà N có mặt, ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 27/02/2017 cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo của bà Phan Thị Bé N trình bày: Hôn nhân của bà với ông Trần Văn Trọng Đ do tự tìm hiểu yêu thương được cha mẹ hai bên đồng ý cho hai người chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C vào ngày 09/08/2006. Sau khi kết hôn hai người sống tại C. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Đ thường xuyên uống rượu, về nhà còn hay đánh bà. Đến năm 2014 ông Đ bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại xã Đ, huyện A. Khi ly thân gia đình hai bên cũng không đứng ra hàn gắn. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 01/11/2011 và Trần Văn L, sinh ngày 09/02/2010. Hiện nay cháu S đang được bà nuôi dạy, cháu L đang được ông Đ nuôi dạy, nếu ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu S, đồng ý để ông Đ nuôi cháu L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông Đ theo quy định nhưng ông Đ vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 01/8/2017, ông Đ trình bày: Ông và bà N tự tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn ông sống bên vợ tại C. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bà N tự ý bỏ nhà đi, đi đâu thì ông không biết, ông không liên lạc được với bà N. Trong thời gian ly thân, gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không được. Nay ông còn thương vợ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 01/11/2011 và Trần Văn L, sinh ngày 09/02/2010. Hiện nay cháu S đang được bà N nuôi dạy, cháu L đang được ông nuôi dạy, nếu ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, đồng ý để bà N nuôi cháu S, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Phiên tòa bà N bảo lưu ý kiến. Riêng ông Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt ông Đ.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị HĐXX:

Về tình cảm: Bà N được y hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà N tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 01/11/2011. Ông Đ tiếp tục nuôi dạy con chung Trần Văn L, sinh ngày 09/02/2010. Công nhận sự tự nguyện của bà N, ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Bé N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn Trọng Đ tại thành phố C. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thành phố C đã thu thập chứng cứ xác định ông Đ đang cư trú tại ấp P, xã Đ, huyện A nên đã chuyển hồ sơ về Tòa án A giải quyết. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Đ được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Xét việc ông Đ vắng mặt tại phiên tòa là không vi phạm pháp luật nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông Đ là do tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông Đ, HĐXX xét thấy thời gian ly thân giữa bà N, ông Đ đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Bà N xác định không còn tình cảm với ông Đ nên không quan tâm đến cuộc sống của nhau và bà quyết xin ly hôn. Ông Đ cho rằng vẫn còn tình cảm với bà N nên không đồng ý ly hôn

HĐXX xét thấy, thời gian ly thân của bà N và ông Đ đã lâu, cả hai không giải pháp hàn gắn lại hôn nhân, mục đích hôn nhân giữa bà N và ông Đ không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 01/11/2011. Bà N đồng ý để ông Đ nuôi cháu Trần Văn L, sinh ngày 09/02/2010. HĐXX xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu S đang sống với bà N, cháu L sống với ông Đ. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường và điều kiện sống của cháu S và cháu L, hơn nữa ý nguyện của cháu S là tiếp tục sống với bà N, cháu L tiếp tục sống với ông Đ, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà Bé Năm và ông Đức theo quy định Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng và ông Đ cũng không yêu cầu bà N cấp dưỡng, xét sự tự nguyện này là phù hợp với pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

HĐXX cũng giải thích cho các đương sự biết: Bà N, ông Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định, sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một bên hoặc cả hai bên.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N, ông Đ cùng xác định không có tài sản chung, nợ chung nên HĐXX không đề cập xem xét.

[7] Về án phí: Bà N là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân. Các bên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phan Thị Bé N.

Về hôn nhân: Bà Phan Thị Bé N được ly hôn với ông Trần Văn Trọng Đ.

Về quan hệ con chung: Bà Phan Thị Bé N tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 01/11/2011. Ông Trần Văn Trọng Đ tiếp tục nuôi dạy con chung Trần Văn L, sinh ngày 09/02/2010. Công nhận sự tự nguyện của bà N, ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà N, ông Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Phan Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007267 ngày 06/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. (bà N đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/8/2017) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn này đối với ông Đ được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Việt Quốc